

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MAI SƠN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 01 tháng 8 năm 2022  
V/v xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nông Văn Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Sơ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 ngày 3 ngày 2022 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Cầm Thị Y. Sinh năm 1989. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nơi ở hiện nay: Bản A1, xã B1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Anh Cầm Văn H, sinh năm 1995. Địa chỉ: bản A, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cầm Thị Y trình bày như sau:*

Về tình cảm, chị Cầm Thị Y và anh Cầm Văn H kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2014 tại UBND xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được gia đình tổ chức

cưới hỏi theo phong tục tập quán. Anh chị chung sống hòa thuận được khoảng gần 7 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H mắc tệ nạn xã hội, cờ bạc, đánh đập chị Y. Đến tháng 08/2021 chị Y về ở với bố mẹ đẻ tại bản A1, xã B1, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không còn tình cảm. Nay chị Y xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung, anh chị có 01 con chung là cháu Cầm Gia K, sinh ngày 10/10/2014. Trong thời gian ly thân, cháu đang ở cùng chị Y. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

*Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn anh Cầm Văn H không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, giấu địa chỉ nơi cư trú. Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung của vợ chồng tại ban quản lý bản A, xã B, Mai Sơn, và những người làm chứng, kết quả như sau:*

Về tình cảm, anh Cầm Văn H và chị Cầm Thị Y kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống với nhau tại bản B, xã Chiềng Nọi, Mai Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân, đến khoảng tháng 8 năm 2021 chị Y đã chuyển về sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại bản A1, xã B1, Mai Sơn. Còn anh Cầm Văn H vẫn có hộ khẩu nơi cư trú tại bản A, xã B, Mai Sơn nhưng anh H thường xuyên vắng mặt tại gia đình. Vợ chồng anh H chị Y ly thân nhau đã lâu không còn tình cảm, nên không thể hàn gắn được. Anh H có biết chị Yêu làm đơn xin ly hôn, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H không chấp hành, vẫn vắng mặt theo thông báo của Tòa án. Nay ban quản lý bản A đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng anh H, chị Y có 01 con chung là cháu Cầm Gia K, sinh ngày 10/10/2014. Trong thời gian ly thân, cháu đang do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng tại bản A1, xã B1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định để bảo đảm quyền lợi cho cháu con chung chưa thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh H ở tại bản A, xã B, huyện Mai Sơn. Ban quản lý bản không xác định được tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Ngoài ra, Tòa án tiến hành ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Cầm Gia K có nguyện vọng được ở với mẹ.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng: Cho ly hôn giữa chị Cầm Thị Y và anh Cầm Văn H. Về con chung: Giao cháu Cầm Gia K, sinh ngày 10.10.2014 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau do chị Y không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:*

#### **[1] Về tố tụng:**

Xét đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn và vấn đề về con chung với anh Cầm Văn H có nơi cư trú tại Bản A, xã B, huyện Mai Sơn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, nghĩa vụ nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng Thông báo thụ lý, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên bị đơn không có mặt, cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú. Căn cứ Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP

ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Tòa án giải quyết vụ án là đúng quy định.

Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

***[2] Về yêu cầu xin ly hôn:***

***[2.1] Về hôn nhân:***

Chị Cẩm Thị Y và anh Cẩm Văn H kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị đã được UBND xã B, huyện Mai Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/8/2014. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận được một thời gian gần 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Y cho rằng mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh H có mắc tệ nạn xã hội cờ bạc, đánh chị, không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình nên phát sinh nhiều bất đồng trong cuộc sống. Quá trình xác minh anh H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, gia đình và chính quyền địa phương không biết chính xác địa chỉ hiện tại của anh H ở đâu. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 đến nay không hàn gắn được tình cảm. Trong thời gian ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Qua xác minh tại ban quản lý bản A, xã B, Mai Sơn xác định: Chị Y và anh H có mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân do mâu thuẫn gia đình. Hiện tại, anh H đã bỏ đi khỏi địa phương không còn quan tâm đến chị Y và con chung. Vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 01 năm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh H đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị Cẩm Thị Y và anh Cẩm Văn H.

***[2.2] Về con chung:*** Chị Y và anh H có 01 con chung là cháu Cẩm Gia K, sinh ngày 10/10/2014. Trong thời gian ly thân, cháu do chị Y nuôi dưỡng tại bản A1, xã B1, Mai Sơn. Xét thấy, chị Y có nơi cư trú ổn định, có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con là hoàn toàn chính đáng, còn anh H không có ý kiến về con chung và thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Cẩm Thị Y, giao cháu K cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Y không yêu cầu.

***[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Y xác định không đề nghị giải quyết. Anh H không có ý kiến về tài sản và nợ chung, do đó tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác

[2.4] Về án phí: Chị Cẩm Thị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 147, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Cẩm Thị Y và anh Cẩm Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Cẩm Gia K, sinh ngày 10/10/2014 cho chị Cẩm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y do chị Y không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: chị Y xác nhận không có tài sản chung, nợ chung. Anh H không có ý kiến về tài sản, nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Cẩm Thị Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001543 ngày 21 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã B, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Văn Thịnh**